

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 133/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (viết tắt: Ngân hàng); địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1977 – Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh ngân hàng N1, chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị N, sinh năm 1971

Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1993

Anh Hoàng Văn C1, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Bù Xia, xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền vay: Ông Hoàng Văn B và bà Phan Thị N còn nợ ngân hàng số tiền gốc 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 28/8/2024 là 480.514.794 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu năm trăm mười bốn nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng), trong đó lãi trong hạn: 479.908.712 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu chín trăm linh tám nghìn bảy trăm mười hai đồng);

lãi quá hạn: 606.082 đồng (*Sáu trăm linh sáu nghìn không trăm tám mươi hai đồng*).

2.2. Về thời hạn trả nợ: Vào ngày 01/12/2024 ông **Hoàng Văn B** và bà **Phan Thị N** có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 2.600.000.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 28/8/2024 là 480.514.794 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu năm trăm mười bốn nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng*), trong đó lãi trong hạn: 479.908.712 đồng (*Bốn trăm bảy mươi chín triệu chín trăm linh tám nghìn bảy trăm mười hai đồng*); lãi quá hạn: 606.082 đồng (*Sáu trăm linh sáu nghìn không trăm tám mươi hai đồng*) cho **Ngân hàng N2 chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước**.

Tổng số tiền ông **Hoàng Văn B** và bà **Phan Thị N** có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng là 3.080.514.794 đồng (*Ba tỷ không trăm tám mươi triệu năm trăm mười bốn nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành, ông **Hoàng Văn B** và bà **Phan Thị N** còn phải tiếp tục chịu tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông **Hoàng Văn B** và bà **Phan Thị N** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng N1** được quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm:

+ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 47; diện tích 2780.8m²; tọa lạc tại **Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước**. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02599/ĐS ngày 12/6/2008 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) nay là **huyện B** cấp cho hộ bà **Phan Thị N** và ông **Hoàng Văn B**

+ Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 47; diện tích 498.0m²; tọa lạc tại **Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước**. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02427/ĐS ngày 03/6/2008 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) nay là **huyện B** cấp cho hộ ông **Hoàng Văn B** và bà **Phan Thị N**

2.3. Về chi phí tố tụng: là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) hai bên thống nhất là ông **Hoàng Văn B** và bà **Phan Thị N** chịu, do Ngân hàng đã tạm ứng số tiền này nên ông **Hoàng Văn B** và bà **Phan Thị N** phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Ngân hàng.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 46.805.147 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm linh năm nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng*) hai bên thống nhất bị đơn ông **Hoàng Văn B** và bà **Phan Thị N** phải liên đới chịu.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 44.082.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006670 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết